

Nội dung:

UNIT 1

- Phụ âm: 05 câu
- Nguyên âm: 05 câu
- Đuôi s/es: 05 câu
- Đuôi ed: 05 câu
- Đuôi khác 05 câu

A. TỔNG ÔN PHÁT ÂM

1. A. provision B. conclusion C. pension D. precision
(n) sự cung cấp (n) kết luận (n) tiền trợ cấp (n) sự đúng đắn, chính xác

Giải thích:

Chọn đáp án C

provision /prə'vɪʒən/ - phát âm là /z/

conclusion /kən'klu:ʒən/ - phát âm là /z/

pension /'penʃən/ - phát âm là /ʃ/

precision /pri'sɪʒən/ - phát âm là /z/

*Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, HD – 2021- lần 1 (123)

2. A. hour B. horse C. hat D. house
(n) giờ (n) con ngựa (n) cái mũ (n) ngôi nhà

Giải thích:

Chọn đáp án A

hour /'aʊə/ - h là âm câm trong trường hợp này

horse /hɔ:s/

hat /hæt/

house /haʊs/

*Trường THPT chuyên Lam Sơn, TH – 2021 – lần 2

3. A. decisive B. several C. suppose D. sister
(adj) kiên quyết (adj/pron) vài (v) cho rằng, tin là (n) chị/ em gái

Giải thích:

Chọn đáp án C

decisive /di'saɪsɪv/ - phát âm là /s/

several /'sevrəl/ - phát âm là /s/

suppose /sə'pəʊz/ - phát âm là /z/

sister /'sɪstə/ - phát âm là /s/

*Trường THPT Yên Định 1, TH (lần 2)

4. A. thus B. thrill C. third D. enthusiasm
(conj) vì vậy (v/n) rùng mình (n/adj) số thứ tự 3 (n) sự hăng hái

Giải thích:

Chọn đáp án A

thus /ðʌs/ - phát âm là /ð/
thrill /θrɪl/ - phát âm là /θ/
third /θɜːd/ - phát âm là /θ/
enthusiasm /ɪnˈθjuːzɪæzəm/ - phát âm là /θ/

*THPT Chuyên Đại học Vinh lần 1

5. A. bachelor (n) cử nhân B. chapter (n) chương C. chemistry (n) môn hóa học D. teacher (n) giáo viên

Giải thích:

Chọn đáp án C

bachelor /ˈbæʃələ/ - phát âm là /ʃ/
chapter /ˈtʃæptə/ - phát âm là /tʃ/
chemistry /ˈkɛmɪstri/ - phát âm là /k/
teacher /ˈtiːtʃə/ - phát âm là /tʃ/

*Trường THPT chuyên Thái Bình 2021 lần 1

6. A. prepare (v) chuẩn bị B. celebrate (v) tổ chức C. entertain (v) giải trí D. protect (v) bảo vệ

Giải thích:

Chọn đáp án A

prepare /prɪˈpeə/ - phát âm là /r/
celebrate /ˈselɪbreɪt/ - phát âm là /ɛ/
entertain /ˌentəˈteɪn/ - phát âm là /ɛ/
protect /prəˈtekt/ - phát âm là /ɛ/

*Sở GD Nghệ An 2021 lần 1 (lẻ)

7. A. habitat (n) môi trường sống B. campfire (n) lửa trại C. survive (v) sống sót D. wildlife (n) động vật hoang dã

Giải thích:

Chọn đáp án A

habitat /ˈhæbɪtæt/ - phát âm là /t/
campfire /ˈkæmpˌfaɪə/ - phát âm là /aɪ/
survive /səˈvaɪv/ - phát âm là /aɪ/
wildlife /ˈwaɪldlaɪf/ - phát âm là /aɪ/

*Trường Quảng Xương 1 2021 lần 2 (mã 204)

8. A. moment (n) khoảng khắc B. monument (n) vật/ đài kỷ niệm C. slogan (n) câu khẩu hiệu D. quotient (n) thương số

Giải thích:

Chọn đáp án B

moment /ˈmɒmənt/ - phát âm là /əʊ/
monument /ˈmɒnjʊmənt/ - phát âm là /ɒ/
slogan /ˈslɒgən/ - phát âm là /əʊ/
quotient /ˈkwɒʃjənt/ - phát âm là /əʊ/

*Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, HD – 2021- lần 1 (123)



9. A. heat B. sweat C. seat D. meat
(n) sức nóng (n) mồ hôi, hơi ẩm (n) chỗ ngồi (n) thịt

Giải thích:

Chọn đáp án B

heat /hi:t/ - phát âm là /i:/

sweat /swet/ - phát âm là /ε/

seat /si:t/ - phát âm là /i:/

meat /mi:t/ - phát âm là /i:/

*Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ, HB – 2021

10. A. malaria B. eradicate C. character D. spectacular
(n) bệnh sốt rét (v) nhổ rễ, diệt trừ (n) tính cách (n/ adj) sự kỳ diệu

Giải thích:

Chọn đáp án A

malaria /mə'leəriə/ - phát âm là /ə/

eradicate /ɪ'rædɪkeɪt/ - phát âm là /æ/

character /'kærɪktə/ - phát âm là /æ/

spectacular /spek'tækjʊlə/ - phát âm là /æ/

*Trường THPT chuyên Hà Giang - 2020 - lần 1

11. A. wealth B. cloth C. length D. smooth
(n) sự giàu có (n) vải (n) độ dài (adj) trôi chảy, êm

Giải thích:

Chọn đáp án D

wealth /welθ/ - phát âm là /θ/

cloth /klɒθ/ - phát âm là /θ/

length /leŋθ/ - phát âm là /θ/

smooth /smu:ð/ - phát âm là /ð/

*Trường THPT chuyên Hà Giang - 2020 - lần 1

12. A. luggage B. vintage C. massage D. passage
(n) hành lý (n) phong cách cổ điển (n) sự xoa bóp (n) đoạn văn

Giải thích:

Chọn đáp án C

luggage /'lʌɡɪdʒ/ - phát âm là /ɪdʒ/

vintage /'vɪntɪdʒ/ - phát âm là /ɪdʒ/

massage /'mæsɑ:ʒ/ - phát âm là /ʒ/

passage /'pæsɪdʒ/ - phát âm là /ɪdʒ/

*Trường THPT chuyên Bắc Ninh – 2021 - lần 2

13. A. says B. plays C. stays D. sprays
(v) nói (n) chơi (v) ở (v/n) phun, xịt

Giải thích:

Chọn đáp án A

says /seɪ/ - phát âm là /eɪ/

plays /pleɪ/ - phát âm là /eɪ/

stays /steɪ/ - phát âm là /eɪ/

sprays /spreɪ/ - phát âm là /eɪ/

*Trường chuyên KHTN, HN – 2021 – lần 1

14. A. savour

B. devour

C. favour

D. flavour

(n) hương vị

(v) ăn ngẫu nhiên

(n) sự thiên vị

(n) mùi vị

(v) thưởng thức

(v) thiên vị

(v) cho gia vị

Giải thích:

Chọn đáp án B

savour /'servə/ - phát âm là /ə/

devour /dɪ'vaʊə/ - phát âm là /aʊə/

favour /'feɪvə/ - phát âm là /ə/

flavour /'fleɪvə/ - phát âm là /ə/

15. A. swear

B. spear

C. hear

D. shear

(n) lời thề

(n) cái giáo

(n) nghe

(v) sự xén lông

(v) thề

(v) đâm, xiên

(v) xén, cắt

Giải thích:

Chọn đáp án A

swear /sweə/ - phát âm là /eə/

spear /spiə/ - phát âm là /iə/

hear /hiə/ - phát âm là /iə/

shear /ʃiə/ - phát âm là /iə/

*Trường THPT chuyên Thái Bình

16. A. problems

B. beliefs

C. prohibits

D. looks

(n) vấn đề

(n) niềm tin

(v) ngăn chặn

(v) nhìn

Giải thích:

Chọn đáp án A

problems /'prɒbləmz/ - âm cuối /m/ - phát âm là /z/

beliefs /br'i:fs/ - âm cuối /f/ - phát âm là /s/

prohibits /prə'hɪbɪts/ - âm cuối /t/ - phát âm là /s/

looks /lʊks/ - âm cuối /k/ - phát âm là /s/

Đôi s phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -p, -k, -t, -f.

*Trường THPT Quảng Xương 1 2021 (204)

17. A. bushes

B. wishes

C. researches

D. headaches

(n) bụi rậm

(v/n) lời hứa

(n) nghiên cứu

(n) đau đầu

Giải thích:

Chọn đáp án D

bushes /'bʊʃɪz/ - âm cuối /ʃ/ - phát âm là /ɪz/

wishes /'wɪʃɪz/ - âm cuối /ʃ/ - phát âm là /ɪz/

researches /rɪ'sɜːtʃɪz/ - âm cuối /tʃ/ - phát âm là /ɪz/
headaches /'hedeɪks/ - âm cuối /k/ - phát âm là /s/

*Trường THPT chuyên Thái Bình 2021 lần 1

- | | | | |
|---------------|----------|----------|-------------------|
| 18. A. drinks | B. finds | C. blows | D. cleans |
| (n/v) uống | (v) tìm | (v) thổi | (v/n/adj) dọn dẹp |

Giải thích:

Chọn đáp án A

drinks /drɪŋks/ - âm cuối /k/ - phát âm là /s/

finds /faɪndz/ - âm cuối /d/ - phát âm là /z/

blows /bləʊz/ - âm cuối /əʊ/ - phát âm là /z/

cleans /kliːnz/ - âm cuối /n/ - phát âm là /z/

*Đề thi tốt nghiệp THPT 2020 – đợt 2 (421)

- | | | | |
|---------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| 19. A. folks | B. fields | C. steps | D. effects |
| (n) truyện dân gian | (n) cánh đồng,
lĩnh vực | (v) bước
(n) bước, nhảy | (n) ảnh hưởng,
tác động |

Giải thích:

Chọn đáp án B

folks /fəʊks/ - âm cuối /k/ - phát âm là /s/

fields /fiːldz/ - âm cuối /d/ - phát âm là /z/

steps /steɪps/ - âm cuối /p/ - phát âm là /s/

effects /ɪ'fekts/ - âm cuối /t/ - phát âm là /s/

*Trường THPT Bim Sơn, TH – 2021 – lần 2

- | | | | |
|--------------|------------|--------------|---------------------|
| 20. A. jumps | B. arrives | C. follows | D. rains |
| (v) nhảy lên | (v) đến | (v) theo dõi | (v, n) mưa/ cơn mưa |

Giải thích:

Chọn đáp án A

jumps /dʒʌmps/ - âm cuối /p/ - phát âm là /s/

arrives /ə'raɪvz/ - âm cuối /v/ - phát âm là /z/

follows /'fɒləʊz/ - âm cuối /əʊ/ - phát âm là /z/

rains /reɪnz/ - âm cuối /n/ - phát âm là /z/

*Trường THPT Nguyễn Viết Xuân, VP – 2021 – lần 1

- | | | | |
|------------------|------------|-------------|-------------|
| 21. A. moved | B. watched | C. pressed | D. laughed |
| (v, n) di chuyển | (v, n) xem | (v, n) nhấn | (v, n) cười |

Giải thích:

Chọn đáp án A

moved /muːvd/ - move kết thúc với /v/

watched /wɒtʃt/ - watch kết thúc với /tʃ/

pressed /prest/ - press kết thúc với /s/

laughed /lɑːft/ - laugh kết thúc với /f/

- Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /ʃ/, /tʃ/, /k/.

*Sở GD Nghệ An lần 1 2021 (lẻ)



B – TỔNG ÔN TRỌNG ÂM

1. A. effort /'ɛfət/ (n) nỗ lực	B. actor /'æktər/ (n) diễn viên	C. perform /pər'fɔrm/ (v) thể hiện	D. area /'eriə/ (n) khu vực
---------------------------------------	---------------------------------------	--	-----------------------------------

Trọng âm với từ 2 âm tiết

Quy tắc:

- Hầu hết các danh từ 2 âm tiết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu tiên.
- Hầu hết các động từ 2 âm tiết thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

2. A. disappear /,dɪsə'pɪr/ (v) biến mất	B. recommend /,rekə'mend/ (v) đề xuất	C. entertain /,entər'teɪn/ (v) giải trí	D. fortunate /'fɔrtʃənət/ (adj) may mắn
--	---	---	---

Trọng âm với từ 3 âm tiết

- A. Tiền tố “dis-” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Động từ 2 âm tiết có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2. Tức âm tiết thứ 3 của từ.
- B. Tiền tố “re-” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2. Tức âm tiết thứ 3 của từ
- C. Hậu tố “-ain” trọng âm rơi vào chính nó. Âm tiết thứ 3 của từ
- D. Trọng âm không rơi vào âm yếu schwa “ə” nên trọng âm rơi vào âm tiết đầu.

Đuôi “-ate” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 tính từ cuối lên.

3. A. achievement /ə'ʃi:vmənt/ (n) thành tựu	B. anonymous /ə'nɒnəməs/ (adj) nặc danh	C. community /kə'mjʊnəti/ (n) cộng đồng	D. bronchi /'brɑ:ŋkai/ (n) phế quản
--	---	---	---

- A. Hậu tố “-ment” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Động từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.
- B. Trọng âm không rơi vào các âm yếu schwa “ə”, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.
- C. Đuôi “-ity” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 tính từ dưới lên. Tức âm tiết thứ 2 của từ.
- D. Danh từ trọng âm rơi vào âm tiết đầu.

4. A. biomass /'baɪəməs/ (n) nhiên liệu sinh khối	B. geothermal /dʒiəʊ'θɜ:rməl/ (adj) thuộc địa nhiệt	C. perseverance /,pɜ:sə'vɪərəns/ (n) sự kiên nhẫn	D. Generosity /,dʒenə'rəsəti/ (n) sự rộng lượng
---	---	---	---

- A.
- B. Hậu tố “-al” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Hậu tố “-er” trọng âm rơi vào chính nó.
- C. Hậu tố “-ance” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Xét “persever”, hậu tố “-er” trọng âm rơi vào chính nó.
- D. Đuôi “-ity” trọng âm rơi vào âm thứ 3 tính từ cuối lên.

Như vậy đã có 3 đáp án có trọng âm giống nhau, đáp án cuối cùng chắc chắn là khác loại.

5. A. knowledgeable (adj) có kiến thức	B. prosperity (n) thịnh vượng	C. development (n) sự phát triển	D. certificate (n) chứng chỉ
---	----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------

/'nalɔdʒəbəl/ /pra'sperəti/ /di'veləpmənt/ /sər'tifikət/
(adj) am hiểu *(n) sự thịnh vượng* *(n) sự phát triển* *(n) chứng chỉ*

A. Hậu tố “-able” không ảnh hưởng đến trọng âm. Danh từ có 2 âm tiết, trọng âm thường rơi vào âm tiết đầu tiên.

B. Hậu tố “-ity” trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ dưới lên

C. Đuôi “-ment” không ảnh hưởng trọng âm. Động từ “develop” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

D. Đuôi “-ate” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 tính từ dưới lên.

6. **A. support** B. slogan C. icon D. motto
 /sə'pɔ:t/ /'sləʊgən/ /'aɪkən/ /'mɑ:təʊ/
(n,v) hỗ trợ *(n) câu khẩu hiệu* *(n) biểu tượng* *(n) khẩu hiệu*

A. Động từ có 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

B. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu

C. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu

D. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu

7. **A. dominate** B. disagree C. disrespect D. interfere
 /'dʌməˌneɪt/ /dɪsə'grɪ/ /,dɪsrɪ'spekt/ /ɪntər'fɪr/
(v) thống trị *(v) không đồng ý* *(v) không tôn trọng* *(v) can thiệp/ cản*

A. Đuôi “-ate”, trọng âm rơi vào âm thứ 3 tính từ cuối lên.

B. Tiền tố “dis-” không ảnh hưởng đến trọng âm, động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

C. Tiền tố “dis-” không ảnh hưởng đến trọng âm, động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

D. Hậu tố “-ere” trọng âm rơi vào chính nó.

8. A. answer **B. cartoon** C. open D. paper
(n,v) trả lời *(n) hoạt hình* *(n,v) mở* *(n) giấy*
 /'ænsər/ /kɑ:'tu:n/ /'oʊpən/ /'peɪpər/

A. Danh từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết đầu/ Trọng âm không rơi vào âm tiết yếu “ə”.

B. Nguyên âm đôi “-oo” trọng âm rơi vào chính âm tiết chứa nó.

C. Trọng âm không rơi vào âm tiết yếu “ə”

D. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu/ Trọng âm không rơi vào âm tiết yếu “ə”.

9. A. employment **B. happiness** C. relation D. importance
(n) sự thuê, việc làm *(n) niềm hạnh phúc* *(n) sự liên quan* *(n) sự quan trọng*
 /ɪm'plɔɪmənt/ /'hæpɪnəs/ /rɪ'leɪʃən/ /ɪm'pɔ:təns/



- A. Hậu tố “-ment” không ảnh hưởng đến trọng âm. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.
- B. Hậu tố “-ness” không ảnh hưởng đến trọng âm. Danh từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết đầu tiên.
- C. Hậu tố “-ion” làm trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó.
- D. Hậu tố “-ance” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ. Động từ 2 âm tiết trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ 2.

10. A. promise	B. discuss	C. contain	D. express
(n,v) hứa	(v) thảo luận	(v) bao gồm, chứa	(v) diễn đạt
/ˈprəmɪs/	/dɪˈskʌs/	/kənˈteɪn/	/ɪkˈspres/

- A. Danh từ trọng âm rơi vào âm tiết đầu/ Trọng âm không rơi vào âm yếu.
- B. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2
- C. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2
- D. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

11. A. interact	B. understand	C. volunteer	D. contribute (2)
/ˌɪntəˈrækt/	/ˌʌndərˈstænd/	/ˌvɒlənˈtɪr/	/kənˈtrɪbjʊt/

- A. Trọng âm rơi vào âm tiết cuối, do có 2 phụ âm đứng cạnh nhau.
- B. Trọng âm rơi vào âm tiết cuối, 2 phụ âm đứng cạnh nhau.
- C. Đuôi “-eer” trọng âm rơi vào âm tiết chứa nó.
- D. 3 đáp án đầu vị trí trọng âm giống nhau rồi nên chắc chắn đáp án là D

12. A. maintain	B. perform	C. prefer	D. offer
(v) duy trì	(v) thể hiện	(v) thích hơn	(n,v) đề nghị
/meɪnˈteɪn/	/pərˈfɔːm/	/prəˈfɜːr/	/'ɔːfər/

- A. Đuôi “-ain” trọng âm rơi vào âm tiết chứa nó.
- B. Động từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.
- C. Động từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.
- D. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1./ Trọng âm không rơi vào âm yếu

13. A. congress	B. concrete	C. condemn	D. concept
(n) đại hội	(n,v, adj) bê tông	(v) kết án, loại bỏ	(n) tư tưởng, khái niệm
/'kɒŋgrəs/	/'kɒnkriːt/	/kənˈdem/	/'kɒnsɛpt/

- A. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu.



B. Danh từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết đầu.

C. Trọng âm không rơi vào âm schwa /ə/

D. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu.

14. A. metropolitan (adj, n) thủ đô / ,metrə'pælətən/	B. existential (adj) liên quan đến sự tồn tại / ,ɛg, zɪ'stɛnʃəl/	C. colonialist (adj) thực dân /kə'ləʊniəlɪst/	D. Argentina Nước Ac-hen-ti-na / ,ɑrdʒən'ti:nə/
---	---	--	---

A + D dựa vào phiên âm

B. Đuôi “-ial”, trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó

C. Đuôi “-ist” không làm ảnh hưởng đến trọng âm của từ, đuôi “-ial” làm trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó.

15. A. justice (n) sự công bằng, công lý / 'dʒʌstɪs/	B. struggle (n) sự đấu tranh (v) vật lộn / 'strʌgl/	C. wildlife (n) hoang dã / 'waɪl, dlaɪf/	D. neglect (v,n) sao nhãng /nɪ'glekt/
---	--	--	--

A. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm thứ 2

B. Trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/

C. Danh từ ghép, trọng âm rơi vào tính từ.

D. Động từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm thứ 2.

16. A. assistance (n) sự hỗ trợ /ə'sɪstəns/	B. appearance (n) sự xuất hiện /ə'pɪərəns/	C. position (n) vị trí /pə'zɪʃən/	D. confidence (n) sự tự tin /'kɒnfədəns/
---	--	---	---

A. Đuôi “-ance” không ảnh hưởng đến trọng âm, động từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

B. Đuôi “-ance” không ảnh hưởng đến trọng âm, động từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

C. Đuôi “-ion” trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó.

D. Đuôi “-ce” trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ dưới lên.

17. A. lecture (n) bài giảng / 'lektʃər/	B. figure (v) con số (v) chỉ ra / 'fɪgjər/	C. wonder (v) thắc mắc / 'wʌndər/	D. inspire (v) truyền cảm hứng /ɪn'spaɪər/
--	---	---	---

A. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu

B. Danh từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết đầu

C. Trọng âm không rơi vào âm yếu

D. Động từ 2 âm tiết, trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

18. A. biologist (n) nhà sinh vật học /baɪ'ɒlədʒɪst/	B. generally (adv) nhìn chung /'dʒenərəli/	C. responsible (adj) trách nhiệm /rɪ'spɒnsəbəl/	D. security (n) sự an toàn /sɪ'kjʊərəti/
--	---	---	--

A. Đuôi “-ist” không ảnh hưởng đến trọng âm. “biology” – đuôi “-y” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 tính từ dưới lên.

B. Đuôi “-ly”; “-al” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ + Trọng âm không rơi vào âm yếu “ə”.

C. Đuôi “-ible” trọng âm rơi vào âm ngay trước nó.

D. Đuôi “-y” trọng âm rơi vào âm thứ 3 từ dưới.

19. A. confide (v) giao phó /kən'faɪd/	B. comfort (n) sự tiện nghi (v) an ủi /'kʌmfərt/	C. inflate (v) thổi phồng /ɪn'fleɪt/	D. severe (v) khắt khe, gay gắt /sə'veɪr/
--	--	--	---

A. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm thứ 2

B. Trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/

C. Động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

D. Trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/

20. A. climate (n) khí hậu /'klaɪmət/	B. greenhouse (n) nhà kính /'grɪn,haʊs/	C. footprint (n) dấu chân /'fʊt,prɪnt/	D. upset (adj) buồn (n) sự lật đổ (v) lật đổ /əp'set/
---	---	--	--

A. Đuôi “-ate” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 từ dưới lên

B. Danh từ ghép ADJ + N, trọng âm rơi vào tính từ

C. Danh từ ghép N + N, trọng âm rơi vào từ đầu

D. 3 từ đầu vị trí trọng âm giống nhau rồi thì từ còn lại chắc chắn khác.

(Hoặc trọng âm không rơi vào âm yếu /ə/)

21. A. infectious (adj) lây nhiễm /ɪn'fektʃəs/	B. atmosphere (n) không khí /'ætmə'sfɪr/	C. Chemical (adj) thuộc hóa học /'keməkəl/	D. consequence (n) hậu quả /'kɒnsəkwəns/
---	--	--	--

A. Đuôi “-ous” không ảnh hưởng đến trọng âm, động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

C. Đuôi “-al” không ảnh hưởng đến trọng âm, đuôi “-ic” trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó.



D. Đuôi “-ce” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3 từ cuối lên

Đáp án A khác loại với 2 đáp án C, D nên A sai.

22. A. familiar (adj) quen thuộc /fə'mɪljər/	B. arrogant (adj) kiêu ngạo /'erəgənt/	C. impatient (adj) không kiên nhẫn /ɪm'peɪʃənt/	D. uncertain (adj) không chắc /ən'sɜ:tən/
--	---	---	---

A. Đuôi “-iar” trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó

B. Trọng âm không rơi vào âm yếu

D. Tiền tố “un” không ảnh hưởng đến trọng âm

Từ có 2 âm tiết, trọng âm không rơi vào âm yếu

Như vậy có B khác loại với A và D

23. A. arrangement (n) sự sắp xếp /ə'reɪndʒmənt/	B. disappear (v) biến mất /ˌdɪsə'pɪr/	C. opponent (adj) đối lập (n) đối thủ /ə'pəʊnənt/	D. contractual (adj) bằng hợp đồng /kən'træktʃuəl/
--	--	--	--

A. Đuôi “-ment” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ + Trọng âm không rơi vào âm yếu.

B. Tiền tố “dis” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ, động từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

C. Trọng âm không rơi vào âm yếu

D. Đuôi “-al” không ảnh hưởng đến trọng âm + Trọng âm không rơi vào âm yếu

24. A. refusal (n) sự từ chối /rə'fju:zəl/	B. decision (n) quyết định /dɪ'sɪʒən/	C. possession (n) sự sở hữu, tài sản /pə'zɛʃən/	D. pessimist (n) kẻ bi quan, yếu thế /'pesəməst/
--	---	---	---

A. Đuôi “-al” không ảnh hưởng đến trọng âm của từ, “refuse” trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2.

B. Đuôi “-ion” trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó

C. Đuôi “-ion” trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó

D. Đuôi “-ist” không ảnh hưởng đến trọng âm + Trọng âm không rơi vào âm yếu

25. A. approach (v) tiếp cận /ə'prəʊtʃ/	B. schoolyard (n) sân trường /'skul.jɑ:d/	C. airport (n): sân bay /'er.pɔ:t/	D. value (n) giá trị /'vælju/
--	---	--	-------------------------------------

A. Trọng âm rơi vào âm tiết chứa nguyên âm mạnh, nguyên âm đôi

B. Danh từ ghép trọng âm rơi vào từ đầu

C. Danh từ ghép trọng âm rơi vào từ đầu

D. Danh từ 2 âm tiết trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.